TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HS-PT
Ngày 10 tháng 3 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;

Ông Nguyễn Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 723/2020/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Phan Trọng V; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Bị cáo:*

Phan Trọng V, sinh năm 1982 tại Hà Tĩnh; Nơi cư trú: tổ 7, ấp 4, xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán UBND xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh X (sinh năm 1953) và bà Phạm Thị Hồng C (chết); Có vợ là Hà Thị Ánh Ng (sinh năm 1990) và 04 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2018. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Quốc Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:*

1/. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N – Phó Chủ tịch. (có mặt)

2/. Ủy ban nhân dân huyện V1, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, khu phố 2, thị trấn V2, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

2/. Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: đường số 4, tổ 22, khu phố 5, thị trấn V2, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng:

1/. Bà Bùi Thị Huyền Tr, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 12, khu phố 6, thị trấn V2, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

2/. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2012 Phan Trọng V được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên, được bố trí làm công tác Kế toán - Tài chính tại UBND xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện V1, tỉnh Đồng Nai. Từ ngày 20/02/2017 đến 20/8/2017, bà Bùi Thị Huyền Tr (kế toán thu) UBND xã V nghỉ thai sản nên ông Nguyễn Phước L - Chủ tịch UBND xã phân công Phan Trọng V thực hiện công việc thay bà Trang theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 27/2/2017 của Chủ tịch UBND xã V.

Về quy trình thu nộp các khoản thuế, phí, lệ phí, quỹ, xã hội hóa tại Ủy ban nhân dân xã V do kế toán thực hiện như sau: Sau khi bộ phận quản lý tài chính xã V (cụ thể là kế toán) đăng ký và nhận biên lai thu từ Chi cục thuế và Phòng Tài chính kế hoạch huyện V1, kế toán xã sẽ phát biên lai cho các trưởng ấp và bộ phận một cửa để trực tiếp thu tiền của dân và nộp về cho UBND xã. Khi thu tiền các ấp nộp về thì kế toán xã lập phiếu thu tiền và biên lai kèm theo, sau đó kế toán giữ tiền và nộp vào Kho bạc nhà nước huyện, hàng tháng báo cáo Chủ tịch UBND xã. Theo quy định tại Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính và quy định của UBND xã V thể hiện tại biên bản họp ban quý I năm 2017 ngày 15/3/2017, chậm nhất 07 ngày kể từ ngày thu cán bộ thu tiền phải nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước huyện.

Trong khoảng thời gian được giao nhiệm vụ thủ quỹ, Phan Trọng V chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước, cụ thể tiền xã hội hóa giao thông nông thôn do nhân dân đóng góp là ngân sách của UBND xã V, phí vệ sinh môi trường thuộc ngân sách UBND huyện V1 do UBND xã V thu theo chỉ tiêu UBND huyện V1

giao hàng năm, bằng thủ đoạn hàng tháng không nộp đầy đủ số tiền đã thu vào Kho bạc Nhà nước huyện theo quy định, V chỉ nộp một phần và chiếm đoạt phần không nộp để tiêu xài cá nhân. Để che dấu hành vi của mình, hàng tháng V lập báo cáo tài chính trình Chủ tịch UBND xã V ký duyệt số tiền V đã nộp kho bạc, báo cáo thể hiện số tiền thu chưa nộp ngân sách bằng 0. Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

+ Trong tháng 02/2017, V thu 262.213.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 178.000.000 đồng và lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 02/2017 trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận đã nộp 178.000.000 đồng vào Kho bạc huyện, số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc bằng 0; số tiền chênh lệch 84.213.000 đồng, V chiếm đoạt.

+ Trong tháng 03/2017, V thu 322.600.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn; thu 47.934.000 đồng phí vệ sinh môi trường từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 201.000.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn và 41.934.000 đồng phí vệ sinh môi trường. V lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 3/2017 trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận đã nộp 201.000.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn, 41.934.000 đồng phí vệ sinh môi trường vào Kho bạc Nhà nước huyện V1, số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc bằng 0; số tiền chênh lệch 121.600.000 đồng phí xã hội hóa giao thông nông thôn và 6.000.000 đồng phí vệ sinh môi trường, V chiếm đoạt.

+ Trong tháng 04/2017, V thu 387.089.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn, thu 70.200.000 đồng phí vệ sinh môi trường từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 100.000.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn và 43.800.000 đồng phí vệ sinh môi trường. V lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 4/2017 trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận đã nộp 100.000.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn, nộp 43.800.000 đồng phí vệ sinh môi trường vào Kho bạc huyện, số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc bằng 0; số tiền chệnh lệch 287.600.000 đồng phí xã hội hóa giao thông nông thôn và 26.400.000 đồng phí vệ sinh môi trường, V chiếm đoạt.

+ Trong tháng 05/2017, V thu 59.200.000 đồng phí vệ sinh môi trường từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 46.200.000 đồng. V lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 5/2017 trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V ký xác nhận đã nộp 46.200.000 đồng vào Kho bạc huyện; số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc bằng 0; số tiền chênh lệch 13.000.000 đồng V chiếm đoạt.

+ Trong tháng 06/2017, V thu 90.000.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 87.500.000 đồng. V lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 6/2017 trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận đã nộp 87.500.000 đồng

vào Kho bạc huyện; số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc bằng 0, số tiền chênh lệch 2.500.000 đồng, V chiếm đoạt.

+ Trong tháng 07/2017, V thu 156.000.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 130.000.000 đồng. V lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 7/2017 trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận đã nộp 130.000.000 đồng vào Kho bạc huyện, số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc huyện bằng 0; số tiền chênh lệch 26.000.000 đồng, V chiếm đoạt.

+ Trong tháng 08/2017, V thu 24.550.000 đồng tiền phí xã hội hóa giao thông nông thôn từ các trưởng khu, trưởng ấp trên địa bàn xã V nhưng chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 5.063.000 đồng. V lập báo cáo thu ngân sách xã tháng 8/2017 trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận đã nộp 5.063.000 đồng vào Kho bạc huyện, số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc huyện bằng 0; số tiền chênh lệch 19.487.000 đồng, V chiếm đoạt.

Như vậy trong khoảng thời gian từ tháng 02/2017 đến tháng 8/2017 Phan Trong V đã thu từ các trưởng khu, trưởng ấp xã V tổng cộng: 1.577.302.000 đồng tiền xã hội hóa giao thông nông thôn, 345.166.000 đồng tiền phí vệ sinh môi trường nhưng V chỉ nộp Kho bạc Nhà nước huyện V1 1.037.202.000 đồng tiền xã hội hóa giao thông nông thôn, 303.534.000 đồng phí vệ sinh môi trường. Hàng tháng V lập báo cáo thu ngân sách trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận số tiền V thực nộp Kho bạc huyện, số dư thu ngân sách chưa nộp Kho bạc bằng 0. Với thủ đoạn như trên, V đã chiếm đoạt của ngân sách Nhà nước tổng cộng 581.732.000 đồng gồm: 540.100.000 đồng tiền xã hội hóa giao thông nông thôn là ngân sách UBND xã V và 41.632.000 đồng tiền phí vệ sinh môi trường là ngân sách UBND huyện V1.

Ngày 20/8/2017, chị Bùi Thị Huyền Tr vào làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân xã V yêu cầu V bàn giao lại công việc cho chị Tr, nhưng V cố ý kéo dài thời gian bàn giao. Ngày 26/9/2017, V nộp khắc phục số tiền 16.432.000 đồng phí vệ sinh môi trường vào Kho bạc Nhà nước huyện V1.

Ngày 27/9/2017, V và chị Tr lập biên bản bàn giao công việc. Qua đối chiếu biên lai, phiếu thu thể hiện thời điểm này số tiền V chiếm đoạt không nộp ngân sách là 565.300.000 đồng (gồm: 540.100.000 đồng tiền xã hội hóa làm đường giao thông nông thôn, 25.200.000 đồng phí vệ sinh môi trường).

Từ ngày 27/10/2017 đến 25/12/2017, Phan Trọng V đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện V1 khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 565.300.000 đồng.

Kết luận giám định tư pháp về tài chính số 5326/STC-KLGĐ ngày 10/09/2018 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai kết luận: "Các khoản thu này là tiền của ngân sách nhà nước và Ủy ban nhân dân xã V có trách nhiệm phải báo cáo, quyết toán số thu, tình hình quản lý, sử dụng biên lai với cơ quan tài chính cấp trên (Phòng tài chính và Chi cục thuế huyện) và nộp toàn bộ tiền, chậm nhất 07 ngày kể từ ngày thu và Kho bạc nhà nước

theo quy định", "Toàn bộ trách nhiệm về việc thực hiện không đúng các quy định của Nhà nước đã chiếm đoạt, tham ô, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 565.300.000 đồng. Trách nhiệm trên, thuộc về Phan Trọng V - Phụ trách Kế toán (kiêm nhiệm Thủ quỹ) UBND xã V, huyện V1".

Kết luận Giám định xác định trách nhiệm Phan Trọng V chiếm đoạt 565.300.000 đồng là căn cứ vào thời điểm ngày 27/9/2017 V và chị Bùi Thị Huyền Tr lập biên bản bàn giao công việc, trước đó ngày 26/9/2017 V đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện V1 16.432.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên có đủ căn cứ kết luận số tiền Phan Trọng V đã chiếm đoạt là 581.732.000 đồng.

Quá trình điều tra Phan Trọng V khai số tiền chiếm đoạt đã bị mất một phần, tiêu xài cá nhân và cho một số người vay. Cơ quan điều tra Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa làm rõ và thu hồi 5.000.000 đồng là tiền V đã cho Lê Thanh X ngụ tại Tổ dân phố Tr, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa vay. Hiện số tiền này đang được tạm giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Trọng V phạm tội "Tham ô tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Trọng V 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 16/11/2020, bị cáo Phan Trọng V có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Trọng V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo đã được Kết luận giám định tư pháp về tài chính số 5326/STC-KLGĐ ngày 10/09/2018 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai kết luận bị cáo có hành vi chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước 581.732.000 đồng. Đây là tiền bị cáo được giao nhiệm vụ quản lý, bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân nên phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phan Trọng V trình bày ý kiến tranh luận: Số tiền tham ô mà cáo trạng truy tố bị cáo là không đúng. Trong tổng số tiền xác định bị cáo chiếm

đoạt có 100.000.000 đồng không phải là tiền ngân sách nhà nước; 180.000.000 đồng bị cáo bị mất, còn lại là tiền bị cáo cho những người trong cơ quan vay. Bị cáo không phạm tội "Tham ô tài sản".

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử và đề nghị bị cáo cân nhắc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Trọng V làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Từ tháng 02/2017 đến tháng 07/2017, Phan Trọng V được Chủ tịch UBND xã V, huyện V1 giao nhiệm vụ thu tiền thuế, phí, lệ phí, quỹ xã hội hóa do nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương nộp vào ngân sách nhà nước hàng tháng. Sau khi thu các khoản tiền trên, bị cáo V không nộp đủ toàn bộ số tiền đã thu vào ngân sách nhà nước; lập báo cáo trình Chủ tịch UBND xã V ký xác nhận số dư thu ngân sách bằng 0; sử dụng số tiền dư không khai báo vào mục đích cá nhân tổng cộng 581.732.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Trọng V phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phan Trọng V có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng mình không phạm tội với lý do việc phân công bị cáo là thủ quỹ kiêm nhiệm kế toán là trái quy định pháp luật, số tiền 100.000.000 đồng do ông Thanh S ủng hộ không phải là tiền ngân sách nhà nước và bị cáo không nhận số tiền này; số tiền 129.000.000 đồng bị cáo cho các cá nhân trong đơn vị mượn, không tư lợi cá nhân; số tiền 180.000.000 đồng bị mất bị cáo đã báo cho bà Trang biết trước khi UBND xã V phát hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo được phân công làm thủ quỹ để thu các khoản thuế, phí, quỹ xã hội hóa để nộp vào ngân sách nhà nước theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 27/2/2017 của Chủ tịch UBND xã V. Thực tế bị cáo đã thực hiện việc thu các loại quỹ trên và quản lý quỹ; trên cơ sở được giao thu và quản lý quỹ, bị cáo đã sử dụng một phần số tiền được giao quản lý vào mục đích cá nhân nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi tham ô tài sản. Về số tiền bị cáo chiếm đoạt, hồ sơ vụ án, kết luận giám định tài chính đã thể hiện rõ số tiền bị cáo thu, lập biên lai thu và số tiền bị cáo lập báo cáo nộp về ngân sách, số tiền bị cáo chiếm đoạt; bị cáo cho rằng trong tổng số tiền chiếm đoạt có 100.000.000 đồng của ông Thanh S bị cáo không nhận là không có cơ sở. Đối với số tiền 129.000.000 đồng bị cáo cho người khác vay mượn cá nhân và

180.000.000 đồng bị cáo làm thất thoát, các khoản tiền này do bị cáo V được giao quản lý, bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân và làm thất thoát nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo kêu oan của bị cáo Phan Trọng V không có cơ sở chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thất thoát tài sản của nhà nước. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 13 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận số tiền bị cáo chiếm đoạt như bản án sơ thẩm đã nêu và lời nói sau cùng bị cáo đã xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện bị cáo đã ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra vụ án bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt; hiện gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có 04 con nhỏ phải chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, giúp bị cáo an tâm cải tạo tốt, trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phan Trọng V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Trọng V.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Phan Trọng V phạm tội "Tham ô tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Trọng V 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Phan Trọng V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hùng **Trần Xuân Minh** **Trần Thị Thu Thủy**